

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VITASKER
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VITASKER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITASKER SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VITASKER ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107811811

3. Ngày thành lập: 18/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14 ngách 12, ngõ 108 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868.595.595

Fax:

Email: Hello@vitasker.com

Website: vitasker.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
2.	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu	9499
3.	Xây dựng nhà các loại	4100
4.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
5.	Phá dỡ	4311
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
12.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
13.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
14.	Hoạt động chiếu phim	5914
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410

16.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
17.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô Cho thuê xe có động cơ khác	7710
18.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
19.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
20.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.	7810
21.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
22.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
23.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
24.	Giáo dục mầm non	8510
25.	Giáo dục tiểu học	8520
26.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
27.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
28.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại	7420
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
31.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Xây dựng công trình công ích	4220
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ	5629
37.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
38.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
39.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

42.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
43.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
48.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán).	7020
52.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
53.	Điều hành tua du lịch	7912
54.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	9700
55.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới .	4610
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lôi, xe công nông	4933
61.	Vận tải đường ống	4940
62.	Cổng thông tin (Không bao gồm: hoạt động thông tấn, báo chí)	6312(Chính)
63.	Chuyển phát	5320
64.	Cơ sở lưu trú khác	5590
65.	Hoạt động hậu kỳ	5912

66.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
67.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
68.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
69.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
70.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
71.	Quảng cáo (Không bao gồm: quảng cáo rượu, thuốc lá)	7310
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
74.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
75.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
76.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
77.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
78.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
80.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
82.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
83.	Đại lý du lịch	7911
84.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
85.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ	8559
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
89.	Bưu chính (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện pháp luật)	5310
90.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)	7110
91.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
92.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
93.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự Chi tiết: Sửa chữa, làm mới, đánh bóng giường, tủ, bàn, ghế, kể cả đồ dùng văn phòng.	9524
94.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
95.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

96.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
97.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. Lập trình các phần mềm nhúng.	6201
98.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
99.	Vận tải bằng xe buýt	4920
100.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng tàu điện ngầm Vận tải hành khách bằng taxi Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lôi, xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	4931
101.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
102.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
103.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm: kinh doanh bất động sản và cho thuê kho bãi)	5210
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
106.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN LẠC QUANG	Số 59 đường 8/3, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	001086007844	
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		

2	TRẦN TUẤN NGỌC	Xóm 9, Xã Tường Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	186822574	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		
3	CHU MINH QUYẾT	Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	45,000	186455615	
			Tổng số	45.000	450.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN LẠC QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086007844

Ngày cấp: 26/08/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 59 đường 8/3, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P202 Chung cư Nhật Tảo 3, số 7B ngách 521/23 đường An Dương Vương, TDP Nhật Tảo 2, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội